

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Việt	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Thành viên
Ông Dương Thủy Đức	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành

Ông Đỗ Hoàng Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Dương Thủy Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Lương Quang Việt.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/04/2012.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Hoàng Khôi

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Số: 20 /2013/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 12/03/2013, trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1395/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.919.591.614	267.179.971.032
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	64.062.807.404	45.922.666.573
Tiền	111		2.724.519.491	15.922.666.573
Các khoản tương đương tiền	112		61.338.287.913	30.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.631.160.000	5.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	5	36.631.160.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.874.684.702	160.318.615.748
Phải thu khách hàng	131	6	131.297.113.442	148.798.977.741
Trả trước cho người bán	132		144.524.131	176.726.195
Các khoản phải thu khác	135	7	13.433.047.129	11.342.911.812
Hàng tồn kho	140		64.430.918.898	53.871.352.949
Hàng tồn kho	141	8	65.035.650.928	54.708.400.852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(604.732.030)	(837.047.903)
Tài sản ngắn hạn khác	150		920.020.610	2.067.335.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		395.557.206	574.818.543
Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.463.404	926.500.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.917.219
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	475.000.000	564.100.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.037.442.895	54.119.394.908
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		53.498.505.395	51.619.394.908
Tài sản cố định hữu hình	221	12	37.664.652.936	36.426.798.716
- Nguyên giá	222		439.606.535.016	429.019.230.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.941.882.080)	(392.592.431.523)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	15.833.852.459	15.192.596.192
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	11	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		38.937.500	-
TỔNG TÀI SẢN	270		366.957.034.509	321.299.365.940

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		154.581.620.306	116.061.707.901
Nợ ngắn hạn	310		154.494.058.519	114.048.236.010
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	180.000.000
Phải trả người bán	312		77.999.311.806	38.162.015.793
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	9.476.588.883	10.657.204.004
Phải trả người lao động	315		34.820.900.227	36.562.306.629
Chi phí phải trả	316	14	21.712.122.253	16.522.768.378
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	4.595.260.490	4.948.343.080
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.889.874.860	7.015.598.126
Nợ dài hạn	330		87.561.787	2.013.471.891
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	2.013.471.891
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.375.414.203	205.237.658.039
Vốn chủ sở hữu	410	16	212.375.414.203	205.237.658.039
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.721.171.757	6.767.436.030
Quỹ đầu tư phát triển	417		36.562.292.238	41.796.678.046
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.711.800.208	11.293.393.963
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.725.150.000	16.725.150.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		366.957.034.509	321.299.365.940

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		186.078.801	186.078.801
Vật tư thu hồi		-	1.106.072.873



Đỗ Hoàng Khôi
 Tổng Giám đốc
 Ninh Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Lương Quang Việt
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	626.714.537.504	580.859.931.438
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	17	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	626.714.537.504	580.859.931.438
Giá vốn hàng bán	11	18	553.627.807.082	490.554.494.684
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.086.730.422	90.305.436.754
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	6.294.880.779	4.500.178.864
Chi phí tài chính	22		6.335.000	40.381.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.335.000	40.381.000
Chi phí bán hàng	24	20	702.341.500	513.663.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	44.309.717.478	46.506.886.013
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.363.217.223	47.744.684.622
Thu nhập khác	31	22	14.290.574.354	5.909.478.126
Chi phí khác	32	23	10.757.538.015	3.888.267.375
Lợi nhuận khác	40		3.533.036.339	2.021.210.751
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.896.253.562	49.765.895.373
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	9.528.128.664	12.432.648.843
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.368.124.898	37.333.246.530
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.205	2.902



Đỗ Hoàng Khôi
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		37.896.253.562	49.765.895.373
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		9.714.938.355	6.859.493.189
Các khoản dự phòng	3		(2.205.230.464)	349.469.437
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(6.294.880.779)	(5.595.110.891)
Chi phí lãi vay	6		6.335.000	40.381.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		39.117.415.674	51.420.128.108
Tăng giảm các khoản phải thu	9		16.648.455.739	(36.473.951.461)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(10.559.565.949)	2.415.334.751
Tăng giảm các khoản phải trả	11		30.688.409.252	44.276.905.452
Tăng giảm chi phí trả trước	12		179.261.337	187.792.105
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.335.000)	(40.381.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.499.787.024)	(22.256.530.156)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		44.747.271	(295.916.250)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.598.745.600)	(14.386.199.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.013.855.700	24.847.182.469
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.400.105.151)	(24.938.779.945)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.631.160.000)	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.011.478.995
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.056.492.682	4.500.178.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.974.772.469)	(15.427.122.086)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	180.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(180.000.000)	(290.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.718.942.400)	(8.712.853.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.898.942.400)	(8.822.853.882)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.140.140.831	597.206.501
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		45.922.666.573	45.325.460.072
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	64.062.807.404	45.922.666.573



Đỗ Hoàn Khôi
 Tổng Giám đốc
 Ninh Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Lương Quang Việt
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31/12/2007. Ngày 25/10/2011, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất, mã số doanh nghiệp 2700283389.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông vốn Nhà nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,2% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBP) được niêm yết từ ngày 06/08/2009 tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

3.5 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn khác theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia sau ngày phát sinh các khoản đầu tư này được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc thiết bị sản xuất	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu, đưa vào sử dụng và các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là các khoản chi phí chưa phát sinh thực tế nhưng có liên quan đến kỳ báo cáo chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định. Đối với Tài sản cố định là thiết bị, phương tiện chuyên ngành có quy định kỹ thuật về sửa chữa định kỳ được Công ty trích trước chi phí sửa chữa và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ trên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và quyết toán theo số thực tế phát sinh tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện 06 tháng đầu năm được xác định hàng tháng căn cứ vào Biên bản bàn giao sản lượng điện giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với Công ty Mua bán điện (được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền) và giá bán điện thỏa thuận trên Hợp đồng mua bán điện số 06-2012/HĐ-NMĐ-NB giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, giá bán điện cố định áp dụng cho năm 2012 là 398,74 đồng/Kwh, giá biến đổi cơ sở năm 2012 là 646,75 đồng/Kwh và được điều chỉnh theo giá nhiên liệu than.

Theo Thông tư số 18/2010/TT-BCT ngày 10/05/2010 của Bộ Công thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh, thông tư số 45/2011/TT-BCT ngày 30/11/2011 sửa đổi một số điều của Thông tư 18/2010/TT-BCT và Quyết định số 30/QĐ-ĐTĐL của Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công thương ngày 17/05/2012 về việc quyết định ban hành danh sách các nhà máy điện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ ngày 01/07/2012, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ ngày 01/07/2012. Việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo quy định của Thị trường phát điện cạnh tranh và Hợp đồng mua bán điện số 06-2012/HĐ-NMĐ-NB giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là 25%.

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định thu nhập chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	158.244.200	470.339.400
Tiền gửi ngân hàng	2.566.275.291	15.452.327.173
Các khoản tương đương tiền (*)	61.338.287.913	30.000.000.000
	64.062.807.404	45.922.666.573

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	31.631.160.000	-
Cho Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình vay	5.000.000.000	5.000.000.000
	36.631.160.000	5.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các Ngân hàng thương mại.

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	129.630.969.501	147.291.508.083
Phải thu khách hàng khác	1.666.143.941	1.507.469.658
	131.297.113.442	148.798.977.741

7 CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	92.620.103	212.208.842
Phải thu khác	13.340.427.026	11.130.702.970
+ Ban Quản lý Dự án 300MW	11.628.824.381	10.219.291.145
+ Thuế thu nhập cá nhân	370.390.746	72.709.949
+ Lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	886.067.980	647.679.883
+ Phải thu khác tại phân xưởng phụ	29.521.792	1.530.387
+ Tiền sửa độc hại	137.021.805	130.385.479
+ Tiền ăn ca	83.595.000	-
+ Tiền quỹ công đoàn	150.000.000	-
+ Phải thu khác	55.005.322	59.106.127
	13.433.047.129	11.342.911.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.529.019.313	848.877.345
Nguyên liệu, vật liệu	58.849.675.342	52.456.019.377
Công cụ, dụng cụ	525.171.641	513.521.334
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	549.644.522	436.627.674
Thành phẩm	558.620.110	298.045.027
Hàng hoá	23.520.000	155.310.095
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	65.035.650.928	54.708.400.852

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	475.000.000	564.100.000
	475.000.000	564.100.000

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư Tài sản cố định	-	7.292.650.000
+ Máy biến áp lực 31.5MVA-121/6.3KV	-	7.292.650.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	15.833.852.459	7.899.946.192
+ Đại tu hệ thống tuần hoàn	-	174.183.880
+ Đại tu các thiết bị cung cấp Nhiên liệu	-	339.621.020
+ Trung tu lò hơi số 2	-	5.847.332.878
+ Đại tu hệ thống tải xi	-	1.538.808.414
+ Trung tu lò hơi số 1	10.340.993.740	-
+ Trung tu tua bin số 4	5.492.858.719	-
	15.833.852.459	15.192.596.192

11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc theo Nghị quyết của HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bản cam kết góp vốn số 137/NĐNB-TCLĐ ngày 23/02/2008 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với số tiền là 2.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*), tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2012	84.496.877.359	321.476.302.514	19.905.644.179	3.140.406.187	429.019.230.239
- Mua trong năm	-	-	18.654.720	98.672.727	117.327.447
- Đầu tư mua sắm TSCĐ	-	10.836.408.280	-	-	10.836.408.280
- Thanh lý, nhượng bán	-	(191.459.650)	-	(174.971.300)	(366.430.950)
31/12/2012	84.496.877.359	332.121.251.144	19.924.298.899	3.064.107.614	439.606.535.016
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2012	63.071.504.664	315.664.525.712	11.698.591.794	2.157.809.353	392.592.431.523
- Khấu hao trong năm	4.452.801.270	3.342.703.677	1.647.790.453	271.642.955	9.714.938.355
- Thanh lý, nhượng bán	-	(190.516.498)	-	(174.971.300)	(365.487.798)
31/12/2012	67.524.305.934	318.816.712.891	13.346.382.247	2.254.481.008	401.941.882.080
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2012	21.425.372.695	5.811.776.802	8.207.052.385	982.596.834	36.426.798.716
31/12/2012	16.972.571.425	13.304.538.253	6.577.916.652	809.626.606	37.664.652.936

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 281.553.115.761 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	-	348.015.740
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.171.128.664	10.142.787.024
Thuế thu nhập cá nhân	204.301.019	-
Thuế tài nguyên	263.557.200	166.401.240
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	837.602.000	-
	9.476.588.883	10.657.204.004

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản (*)	15.833.852.462	7.899.946.195
Trích trước chi phí đồng phục năm 2011	-	2.280.500.000
Tiền thưởng tiết kiệm nhiên liệu	5.557.721.386	6.041.187.870
Chi phí sửa độc hại	130.472.981	124.308.268
Chi phí phải trả khác	190.075.424	176.826.045
	21.712.122.253	16.522.768.378

(*) Là khoản trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định theo kế hoạch sửa chữa của Công ty, đã được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.007.347	296.194.434
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.578.253.143	4.652.148.646
+ Cổ tức năm 2011 phải trả	120.948.100	-
+ Phải trả văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
+ Cổ tức trả cho cổ đông chưa lưu ký	318.922.500	362.322.500
+ Quỹ ủng hộ người nghèo	227.327.044	232.452.044
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tài sản tạm tăng	159.517.573	159.517.573
+ Cổ tức năm 2010 phải trả	266.806.330	962.895.548
+ Cổ tức tài chính điện lực nhận hộ CB CNV	111.150.000	-
+ Phải trả khác	473.717.815	35.097.200
	4.595.260.490	4.948.343.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./.), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết như sau:

TT	Cổ đông	31/12/2012		01/01/2012	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1.	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	70.454.400.000	54,8%	70.454.400.000	54,8%
2.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	29.779.000.000	23,1%	28.400.000.000	22,1%
3.	Cổ đông khác	28.421.600.000	22,1%	29.800.600.000	23,2%
		128.655.000.000	100,0%	128.655.000.000	100,0%

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.865.500	12.865.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.865.500	12.865.500
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500	12.865.500
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2011	128.655.000.000	4.965.761.868	26.127.406.056	8.941.663.823	29.589.598.140	198.279.429.887
- Lãi trong năm	-	-	-	-	37.333.246.530	37.333.246.530
- Trích lập quỹ năm 2010	-	-	5.674.430.955	485.067.814	(7.273.661.960)	(1.114.163.191)
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	2.896.606.189	(2.896.606.189)	-	-	-
- Trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(22.315.936.180)	(22.315.936.180)
- Tạm trích quỹ năm 2011	-	-	12.891.447.224	1.866.662.326	(20.608.096.530)	(5.849.986.980)
Giảm khác	-	(1.094.932.027)	-	-	-	(1.094.932.027)
31/12/2011	128.655.000.000	6.767.436.030	41.796.678.046	11.293.393.963	16.725.150.000	205.237.658.039
01/01/2012	128.655.000.000	6.767.436.030	41.796.678.046	11.293.393.963	16.725.150.000	205.237.658.039
- Lãi trong năm	-	-	-	-	28.368.124.898	28.368.124.898
- Tạm trích quỹ năm 2012 (*)	-	-	5.719.349.919	1.418.406.245	(11.642.974.898)	(4.505.218.734)
- Trả cổ tức năm 2011 (**)	-	-	-	-	(16.725.150.000)	(16.725.150.000)
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	10.953.735.727	(10.953.735.727)	-	-	-
31/12/2012	128.655.000.000	17.721.171.757	36.562.292.238	12.711.800.208	16.725.150.000	212.375.414.203

(*) Công ty đang thực hiện tạm trích lập các quỹ năm 2012, khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại việc phân phối quỹ theo Nghị quyết này.

(**) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty năm 2012 ngày 24/05/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.816.963.717	21.198.485.919
Chi phí vật liệu quản lý	262.666.570	446.500.738
Chi phí đồ dùng văn phòng	411.306.934	491.713.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.139.930.308	2.154.368.675
Thuế phí, lệ phí	1.185.108.049	1.616.900.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.817.845.588	3.051.969.694
Chi phí bằng tiền khác	6.546.857.835	5.410.203.078
Thuởng tiết kiệm nhiên liệu	6.613.703.016	8.947.703.370
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.515.335.461	3.189.040.664
	44.309.717.478	46.506.886.013

22 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu từ các khoản chi Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	7.801.705.840	1.184.197.403
Doanh thu bán xỉ	2.221.498.000	1.598.465.400
Tiền bán hồ sơ thầu	7.272.728	649.121.819
Cho thuê bến đỗ, cầu cảng	60.322.910	71.162.747
Thu từ cho thuê ca xe	391.865.509	466.850.668
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.972.914.591	-
Nhượng bán, thu hồi phế liệu	1.827.987.525	689.895.202
Thu nhập khác	7.007.251	1.249.784.887
	14.290.574.354	5.909.478.126

23 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí cho Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	7.801.705.840	1.184.197.403
Chi phí cho tổ vận tro xỉ	2.081.310.384	1.262.300.742
Chi phí cảng, bến bãi	100.942.900	11.314.800
Chi phí mở thầu	28.650.000	687.707.100
Chi phạt chậm nộp	377.144.531	-
Chi phí cho thuê ca xe	225.545.059	187.495.341
Chi bán phế liệu	139.919.000	130.688.865
Các khoản chi khác	2.320.301	424.563.124
	10.757.538.015	3.888.267.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	37.896.253.562	49.765.895.373
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	216.261.092	(35.300.000)
- Cộng: Chi phí không được trừ	491.261.092	89.700.000
- Trừ: Cổ tức nhận được	275.000.000	125.000.000
Thu nhập chịu thuế	38.112.514.654	49.730.595.373
Thuế suất	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.528.128.664	12.432.648.843

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.368.124.898	37.333.246.530
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	28.368.124.898	37.333.246.530
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.205	2.902

26 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

26.1 CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Doanh thu với các bên liên quan	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	606.504.868.808	568.277.178.243
Bán điện cho Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	20.803.599	-
Dịch vụ cung cấp cho Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	7.801.705.840	1.184.197.403
	614.327.378.247	569.461.375.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**26.2 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

<i>Phải thu khách hàng</i>	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	129.630.969.501	147.291.508.083
	129.630.969.501	147.291.508.083
 <i>Các khoản phải trả</i>	 31/12/2012	 01/01/2012
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.059.381.354	3.059.381.354
Trong đó:		
- Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
- Phải trả khác	159.517.573	159.517.573
	6.118.762.708	6.118.762.708

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.062.807.404	45.922.666.573
Đầu tư ngắn hạn	36.631.160.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.730.160.571	160.141.889.553
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
	247.924.127.975	213.564.556.126
 Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	180.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	82.594.572.296	43.110.358.873
Chi phí phải trả	5.878.269.791	8.622.822.183
	88.472.842.087	51.913.181.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty đã thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có thể có rủi ro tín dụng với các khách hàng bởi vì các khoản phải thu tập trung ở một số lượng ít khách hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	82.594.572.296	-	82.594.572.296
Chi phí phải trả	5.878.269.791	-	5.878.269.791
	88.472.842.087	-	88.472.842.087

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	180.000.000	-	180.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	43.110.358.873	-	43.110.358.873
Chi phí phải trả	8.622.822.183	-	8.622.822.183
	51.913.181.056	-	51.913.181.056

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.062.807.404	-	64.062.807.404
Đầu tư ngắn hạn	36.631.160.000	-	36.631.160.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.730.160.571	-	144.730.160.571
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
	245.424.127.975	2.500.000.000	247.924.127.975

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.922.666.573	-	45.922.666.573
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.141.889.553	-	160.141.889.553
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
	211.064.556.126	2.500.000.000	213.564.556.126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28 BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YẾU TỐ

STT	Nội dung	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1.	Nhiên liệu	367.884.270.170	342.846.312.826
2.	Vật liệu	12.633.019.637	13.163.111.437
3.	Lương và bảo hiểm xã hội	121.736.439.930	99.925.684.122
	- Lương công nhân viên	112.286.259.983	92.477.348.972
	- Các khoản bảo hiểm trích theo lương	9.450.179.947	7.448.335.150
4.	Khấu hao tài sản cố định	8.115.875.101	6.960.289.277
5.	Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.787.987.391	2.301.777.484
	- Điện dùng nội bộ	227.714.315	157.653.632
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.560.273.076	2.144.123.852
6.	Chi phí sửa chữa lớn	36.332.455.480	29.007.228.607
	- Sửa chữa lớn thuê ngoài	7.065.893.251	1.541.707.946
	- Sửa chữa lớn tự làm	29.266.562.229	27.465.520.661
7.	Chi phí phát triển khách hàng	-	-
8.	Chi phí bằng tiền khác	29.892.911.057	31.364.510.795
	- Thuế tài nguyên	1.203.557.200	1.046.401.240
	- Phí môi trường rừng	-	-
	- Thuế đất	996.711.000	1.364.145.800
	- Ăn ca	6.522.767.000	5.781.757.000
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	822.755.210
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(232.315.873)	349.469.437
	- Chi phí khác	21.401.248.578	21.999.982.108
	- Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	943.152	-
	Tổng cộng	579.382.958.766	525.568.914.548

29 THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 về việc thành lập Công ty Mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ và Biên bản bàn giao điều hành giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Phát điện 3 ngày 28/12/2012, kể từ ngày 01/01/2013, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình chính thức trở thành Công ty con và chịu sự điều hành của Tổng Công ty Phát điện 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2012	Sản xuất kinh doanh điện	Sản xuất phụ	Bù trừ	Tổng cộng
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	606.729.955.429	19.984.582.075	-	626.714.537.504
Doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	-	200.246.600	(200.246.600)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	606.729.955.429	20.184.828.675	(200.246.600)	626.714.537.504
Chi phí theo bộ phận				
Chi phí trực tiếp	568.826.653.140	19.257.850.446	-	588.084.503.586
Kết quả hoạt động theo bộ phận	37.903.302.289	926.978.229	(200.246.600)	38.630.033.918
Khấu hao trong năm	9.714.938.355	-	-	9.714.938.355
Phân bổ trong năm	840.424.119	-	-	840.424.119
Khấu hao và phân bổ	10.555.362.474	-	-	10.555.362.474
Thu nhập/(Chi phí) tài chính	6.283.545.979	4.999.800	-	6.288.545.779
Thu nhập/(Chi phí) khác	3.392.848.723	140.187.616	-	3.533.036.339
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.024.334.517	1.072.165.645	(200.246.600)	37.896.253.562
Tại ngày 31/12/2012				
Tài sản				
Tài sản ngắn hạn	309.564.094.344	5.198.138.819	(3.842.641.549)	310.919.591.614
Tài sản cố định	52.969.278.652	529.226.743	-	53.498.505.395
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	38.937.500	-	-	38.937.500
Tổng tài sản	365.072.310.496	5.727.365.562	(3.842.641.549)	366.957.034.509
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	153.858.108.765	4.478.591.303	(3.842.641.549)	154.494.058.519
Nợ dài hạn	-	87.561.787	-	87.561.787
Tổng nợ phải trả	153.858.108.765	4.566.153.090	(3.842.641.549)	154.581.620.306

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

**Đỗ Hoàng Khôi**
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng